THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/2012/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Để thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 theo Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020.

Điều 2. Đối tượng và địa bàn áp dụng

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách: người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người được trợ giúp pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

2. Địa bàn áp dụng chính sách

a) Các xã nghèo không thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững tại 61 huyện nghèo, bao gồm:

- Xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi;

- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;

- Xã biên giới và xã an toàn khu.

b) Thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi không thuộc các xã nghèo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (sau đây gọi là thôn, bản đặc biệt khó khăn).

Điều 3. Các hoạt động để thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1. Cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng chính sách theo các hình thức trợ giúp pháp lý sau đây:

a) Tư vấn pháp luật;

b) Tham gia tố tụng;

c) Đại diện ngoài tố tụng;

d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Tổ chức các đợt trợ giúp pháp lý lưu động về các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

3. Thành lập, củng cố và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

4. Thông tin, truyền thông, phổ biến các chế độ, chính sách, quy định pháp luật đến với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững, bao gồm:

a) Biên soạn, in ấn, phát hành miễn phí tờ gấp pháp luật, cẩm nang pháp luật và các tài liệu pháp luật khác; thu và sao băng cát-xét, đĩa CD bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số;

b) Đặt Bảng thông tin, Hộp tin về trợ giúp pháp lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm bưu điện, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, Đồn Biên phòng đóng trên địa bàn các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

c) Cung cấp Báo Pháp luật Việt Nam cho Ủy ban nhân dân và Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý các xã nghèo.

5. Tăng cường năng lực cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, bao gồm:

a) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý để cập nhật kiến thức pháp luật mới và nâng cao kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;

b) Hỗ trợ học phí cho viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh có các xã nghèo tham gia khóa đào tạo nghề luật sư tạo nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý;

c) Hỗ trợ học phí bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực tiếp thực hiện trợ giúp pháp lý tại các xã nghèo.

Điều 4. Định mức tài chính hỗ trợ đối với các hoạt động để thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1. Tổ chức các đợt trợ giúp pháp lý lưu động về các xã nghèo; thôn, bản đặc biệt khó khăn: 8.000.000 đồng/xã/năm; 3.000.000 đồng/thôn, bản/năm.

2. Thành lập, củng cố và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại các xã nghèo; thôn, bản đặc biệt khó khăn: 6.000.000 đồng/xã/năm (500.000 đồng/xã/lần sinh hoạt/tháng); 2.000.000 đồng/thôn, bản/năm.

3. Biên soạn, in ấn, phát hành miễn phí tờ gấp pháp luật, cẩm nang pháp luật và các tài liệu pháp luật khác; thu và sao băng cát-xét, đĩa CD bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số: 2.000.000 đồng/xã/năm; 500.000 đồng/thôn, bản/năm.

4. Đặt Bảng thông tin, Hộp tin về trợ giúp pháp lý tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm bưu điện, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, Đồn Biên phòng đóng trên địa bàn các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn: 3.000.000 đồng/xã/lần (2 lần/08 năm); 1.000.000 đồng/thôn, bản/lần (2 lần/08 năm).

5. Cung cấp Báo Pháp luật Việt Nam cho Ủy ban nhân dân và Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý các xã nghèo: Theo giá phát hành của Báo Pháp luật Việt Nam.

6. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý để cập nhật kiến thức pháp luật mới và nâng cao kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý: 5.000.000 đồng/xã/năm.

7. Hỗ trợ học phí cho viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh có các xã nghèo tham gia khóa đào tạo nghề luật sư tạo nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý: theo quy định hiện hành về mức học phí của Học viện Tư pháp (số lượng hỗ trợ: 03 người/Trung tâm/năm).

8. Hỗ trợ học phí bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực tiếp thực hiện trợ giúp pháp lý tại các xã nghèo: theo quy định hiện hành về mức học phí của từng khóa đào tạo tiếng dân tộc (số lượng hỗ trợ: 2 người/Trung tâm/năm).

Điều 5. Cơ chế bảo đảm nguồn nhân lực và kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1. Nguồn nhân lực

Ưu tiên lựa chọn người tham gia các hoạt động tăng cường năng lực quy định tại khoản 5 Điều 3 Quyết định này là người dân tộc thiểu số, người đang sinh sống tại các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn, người biết tiếng dân tộc thiểu số, phụ nữ, người có kinh nghiệm trong hoạt động trợ giúp pháp lý. Thu hút người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

2. Nguồn kinh phí

a) Nguồn kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này được bố trí từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các dự án hợp tác quốc tế, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có);

b) Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Quyết định này;

c) Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách, ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo định mức tài chính quy định tại Điều 4 Quyết định này;

d) Ngân sách địa phương các tỉnh tự cân đối được ngân sách và chưa tự cân đối được ngân sách bảo đảm kinh phí chi hoạt động thường xuyên, chi các hoạt động quản lý, các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, các hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Điều 6. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý

1. Bộ Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này;

c) Tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này do ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này; định kỳ hàng năm sơ kết, tổng kết, tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí từ ngân sách trung ương bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này;

c) Phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan có giải pháp huy động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để thực hiện Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này;

c) Phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Tư pháp kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này.

5. Các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình hỗ trợ, tạo điều kiện để các địa phương thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này tại địa phương;

b) Bảo đảm kinh phí từ ngân sách địa phương chi cho các hoạt động quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Quyết định này;

c) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự cân đối được ngân sách có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo định mức tài chính quy định tại Điều 4 Quyết định này;

d) Đối với các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ngành có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo Quyết định này gửi Bộ Tư pháp tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý ở địa phương gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2013.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng